



**Xuất bản bởi**

Deutsche Gesellschaft für Internationale Zusammenarbeit (GIZ) GmbH

**Thay mặt**

Bộ Hợp tác Kinh tế và Phát triển (BMZ), CHLB Đức

**Văn phòng đăng ký**

Bonn và Eschborn, Đức

**Dự án**

Hỗ trợ thực hiện Hiệp định đối tác tự nguyện VPA/FLEGT tại Việt Nam

**Thời gian phát hành**

Tháng 02 năm 2025

**Tác giả**

Trần Thị Hồng Thủy

**Chịu trách nhiệm**

Anja Barth – Cố vấn trưởng dự án, GIZ

**Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm**

Những nội dung, diễn giải, các kết quả phân tích, và các khuyến nghị trong cuốn sách này dựa trên những thông tin thu thập bởi GIZ, tư vấn, đối tác của GIZ và những người cung cấp tin và dữ liệu, và không nhất thiết phải đại diện cho quan điểm của GIZ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hay BMZ. Những cơ quan, đơn vị này từ chối chịu trách nhiệm pháp lý đối với việc sử dụng tài liệu này và các thông tin được cung cấp trong tài liệu bởi các cá nhân và tổ chức khác, cũng như bất kỳ tổn thất nào là kết quả của hành động đó.

## DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Bộ NN&PTNT	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
DTTS	Dân tộc thiểu số
Ma trận IMIM	Ma trận chỉ số giám sát tác động của Khung Giám sát đánh giá Hiệp định VPA/FLEGT
Khung GSDG	Khung Giám sát đánh giá Hiệp định VPA/FLEGT
Sở KH&ĐT	Sở Kế hoạch và Đầu tư
Sở LĐ TB&XH	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội
Sở NN&PTNT	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
UBND	Ủy ban nhân dân
VPA/FLEGT	Hiệp định đối tác tự nguyện về thực thi luật lâm nghiệp, quản trị rừng và thương mại lâm sản
VHLSS	Khảo sát mức sống dân cư Việt Nam
VNTLAS	Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam

## Bối cảnh

Việt Nam và Liên minh Châu Âu (EU) chính thức ký Hiệp định đối tác tự nguyện về Thực thi luật lâm nghiệp, quản trị rừng và thương mại lâm sản (VPA/FLEGT) vào tháng 10/2018, Hiệp định có hiệu lực vào tháng 6/2019. Đây là một hiệp định thương mại ràng buộc về mặt pháp lý nhằm cải thiện quản trị rừng và thúc đẩy thương mại gỗ và các sản phẩm gỗ hợp pháp xuất khẩu từ Việt Nam sang thị trường EU. Theo yêu cầu giám sát và đánh giá tác động của Hiệp định, Khung giám sát và đánh giá Hiệp định VPA/FLEGT (gọi tắt là Khung GSDG) đã được xây dựng và phê duyệt. Khung GSDG đã đưa ra các chỉ số giám sát đánh giá cho các lĩnh vực khác nhau trong đó bao gồm giám sát đánh giá tác động đến nhóm dân tộc thiểu số (DTTS). Mặc dù có một số dữ liệu có sẵn về tác động của VPA/FLEGT đối với phụ nữ, nhưng dữ liệu và phân tích về tác động của VPA/FLEGT đối với các nhóm DTTS còn khan hiếm và rời rạc. Các chỉ số mang tính định hướng chưa đủ và chưa cụ thể để có thể áp dụng. Vì vậy, các chỉ số của Khung GSDG cần phải được bổ sung thêm và phát triển cụ thể.

### Mục tiêu và phương pháp thực hiện nghiên cứu

Mục tiêu chung của nghiên cứu là xác định tình trạng dữ liệu hiện tại của nhóm DTTS liên quan đến các yêu cầu giám sát tác động của VPA/FLEGT, cụ thể:

- ✓ Hiểu rõ hơn về tình hình dữ liệu hiện tại của DTTS liên quan đến các yêu cầu giám sát tác động của VPA/FLEGT;
- ✓ Đề xuất các biện pháp ở cấp quốc gia và cấp tỉnh để nắm bắt tốt hơn các tác động của VPA/ FLEGT liên quan đến DTTS;
- ✓ Định hướng quá trình giám sát tác động của VPA/FLEGT trong tương lai bằng cách xây dựng các bài học kinh nghiệm và đề xuất về a) tình hình dữ liệu của các DTTS liên quan đến giám sát tác động của VPA/FLEGT và b) tác động của VPA/FLEGT đối với các DTTS.

Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 7/2024, bên cạnh việc thực hiện rà soát, tổng hợp các tài liệu thứ cấp, Tư vấn đã thực hiện tham vấn ý kiến với các chuyên gia từ Bộ Nông

nghiệp và Phát triển nông thôn, Tổng cục thống kê, Ủy ban dân tộc và Trung tâm Phát triển nông thôn miền trung.

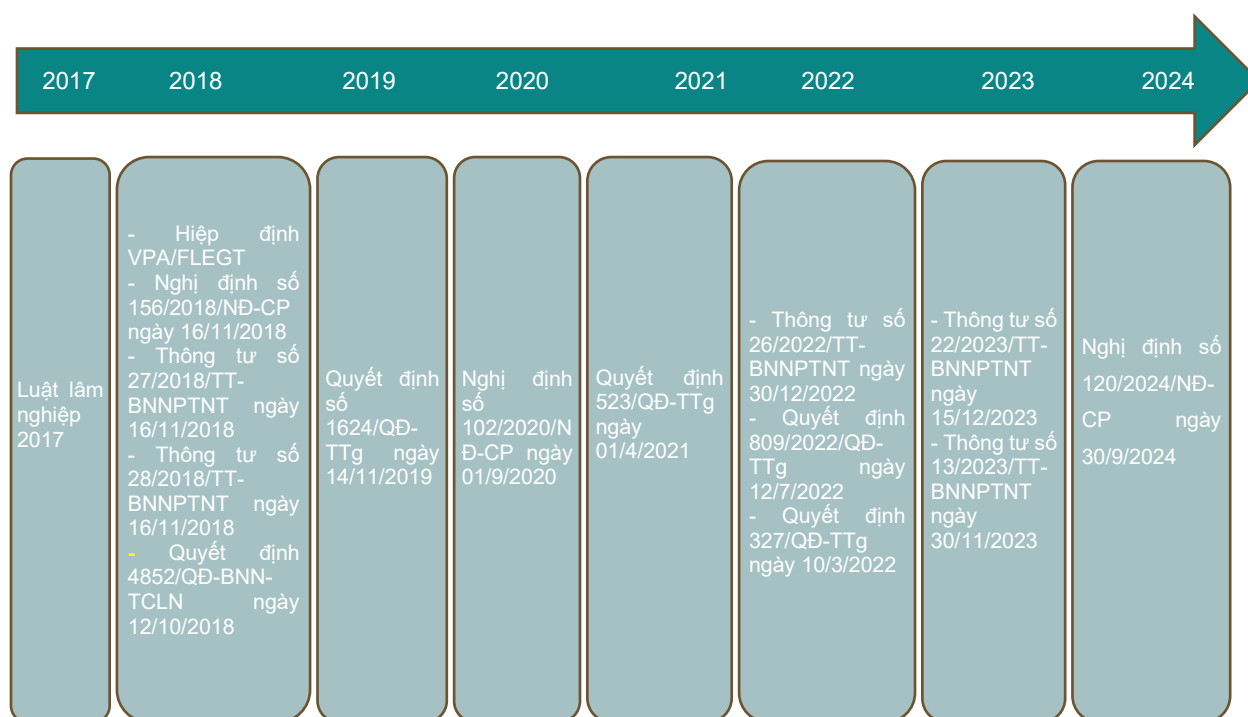
### Khung phân tích của nghiên cứu

Từ các mục tiêu chính của VPA/FLEGT, nghiên cứu này được thực hiện dựa trên khung phân tích như sau:

<b>Hiệp định VPA/FLEGT</b>	1. Ngăn chặn khai thác gỗ bất hợp pháp	1.1. Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp	1.1.1. Quy định pháp luật liên quan	
			1.1.2. Tăng cường tính minh bạch và tiếp cận thông tin cần thiết	
			1.1.3. Tham vấn và sự tham gia của các bên liên quan	
	2. Thúc đẩy thương mại gỗ (tăng cường khả năng tiếp cận các cơ hội thị trường)	2.1. Khai thác	2.1.1. Quy định về khai thác gỗ (quyền sử dụng đất, quyền sử dụng rừng, quản lý và bảo vệ rừng và các quy định về khai thác)	
			2.2. Sản xuất	2.2.1. Sản xuất, kinh doanh, vận chuyển, chế biến và xuất, nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ
		2.3. Kinh doanh		2.2.2. Phát triển rừng gỗ lớn, rừng trồng có giá trị gia tăng
			3. Cải thiện quản trị rừng	3.1. Quản lý và bảo vệ rừng tự nhiên trong nước
		2.3.2. Cơ hội kinh tế, việc làm		
		3.1.1. Quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng	3.1.2. Quản lý và bảo vệ rừng	3.1.1. Quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng
	3.1.2. Quản lý và bảo vệ rừng			

## Hành lang pháp lý

Trong giai đoạn đàm phán, phê chuẩn và bắt đầu thực hiện VPA/FLEGT (từ năm 2010 đến nay), Việt Nam đã đạt được những bước tiến quan trọng trong việc xây dựng hành lang pháp lý liên quan đến hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp và truy xuất nguồn gốc lâm sản. Những tiến bộ này không chỉ giúp Việt Nam thực hiện cam kết quốc tế mà còn đã giúp cải thiện quản lý tài nguyên rừng, tăng cường minh bạch trong hoạt động khai thác và thương mại gỗ, và đảm bảo quyền lợi của cộng đồng địa phương.



## Bộ chỉ số đánh giá tác động của VPA/FLEGT đến nhóm DTTS

### Nguyên tắc xây dựng bộ chỉ số:

- ✓ **Specific (Tính cụ thể):** Các chỉ số cần rõ ràng, thể hiện được nội dung đánh giá sát đánh giá, bao quát các lĩnh vực có thể bị ảnh hưởng bởi việc thực hiện VPA/FLEGT đối với nhóm DTTS; các chỉ số thể hiện tính so sánh giữa nhóm DTTS

và nhóm không phải DTTS cũng như giữa nhóm chủ hộ là nữ với trung bình cả nước.

- ✓ **Measurable (Đo lường được):** Các chỉ số cần đo lường được, với bối cảnh đánh giá, các chỉ số đa phần được đưa về dạng tương đối, tỷ lệ phần trăm (%) so với tổng thể để có thể so sánh, đánh giá.
- ✓ **Achievable (Khả năng thực hiện):** Bộ chỉ số và phương pháp thu thập dữ liệu cần được công khai, dễ tiếp cận và dễ hiểu đối với các bên liên quan, bao gồm cộng đồng DTTS; các dữ liệu cần tận dụng tối đa nguồn dữ liệu thứ cấp có sẵn và có thể thu thập được, với các dữ liệu không có sẵn, các cơ quan cấp địa phương có khả năng thu thập và xử lý dữ liệu theo cách đơn giản và hiệu quả.
- ✓ **Realistic (Tính thực tế):** Các chỉ số bám sát Khung GSDG của VPA/FLEGT, được phát triển dựa trên các chỉ số tác động xã hội đối với nhóm DTTS của Khung GSDG; bộ chỉ số cần linh hoạt, có khả năng điều chỉnh và cập nhật khi có sự thay đổi trong điều kiện thực tế hoặc khi các yếu tố tác động mới xuất hiện trong quá trình thực hiện VPA/FLEGT.
- ✓ **Time-bound (Khung thời gian):** Các chỉ số cần được theo dõi liên tục để phản ánh các thay đổi trong chính sách, pháp luật hoặc các điều kiện xã hội và kinh tế có thể ảnh hưởng đến cộng đồng DTTS, các chỉ số được thu thập cùng một mốc thời gian, dựa trên tình hình dữ liệu tại Việt Nam, khuyến nghị mốc đánh giá là 5 năm/lần.

### **Nguồn dữ liệu**

Từ tổng quan về dữ liệu thứ cấp có sẵn liên quan đến nhóm DTTS trong ngành lâm nghiệp, có thể thấy rằng:

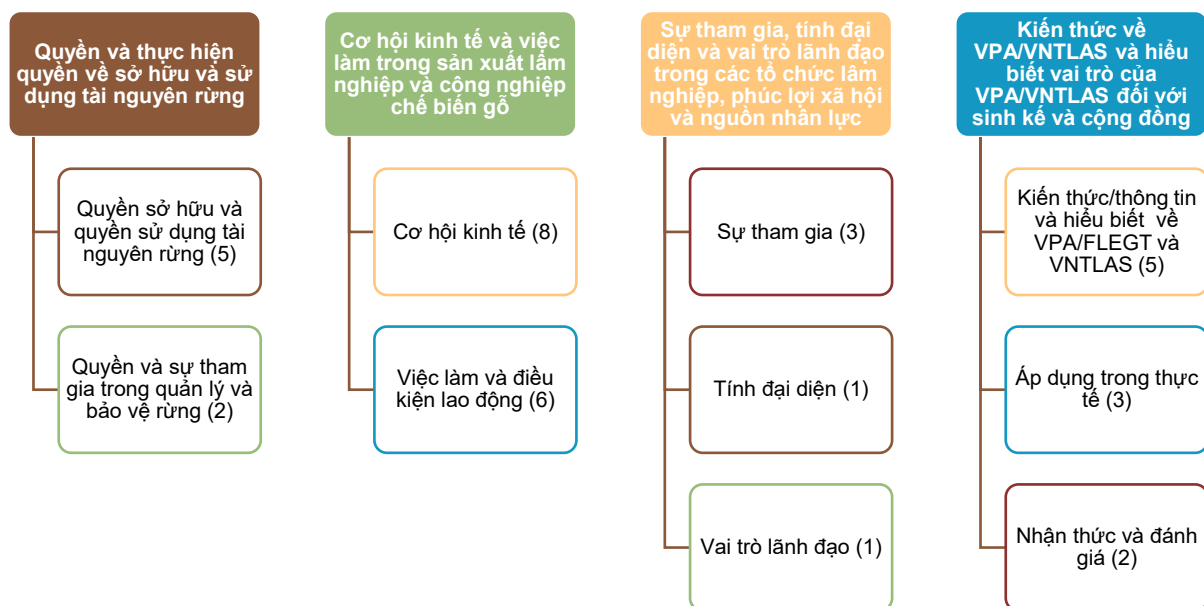
- ✓ Các cơ sở dữ liệu cấp quốc gia để phản ánh các DTTS trong ngành lâm nghiệp liên quan đến bốn chủ đề chính trong Khung GSDG có thể được tận dụng một phần từ các cuộc khảo sát cấp quốc gia thường xuyên của Tổng cục thống kê bao

gồm: Khảo sát mức sống dân cư (VHLSS), Điều tra thực trạng kinh tế xã hội của DTTS Việt Nam (EM).

- ✓ Ngoài hai cuộc điều tra trên, dữ liệu cấp quốc gia phản ánh ngành lâm nghiệp liên quan đến bốn chủ đề chính trong Bảng Ma trận các chỉ số giám sát tác động (IMIM) có thể được thu thập từ Điều tra lâm nghiệp (Tổng cục thống kê) và Bộ chỉ số giám sát, đánh giá Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định số 1382/2022/QĐ-BNN-TCLN ngày 15/4/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn). Tuy nhiên, với đối tượng mục tiêu là nhóm DTTS trong ngành lâm nghiệp, thì các kết quả được công bố chỉ đề cập đến dữ liệu tổng hợp về ngành lâm nghiệp, không bóc tách nhóm DTTS, đồng thời, các dữ liệu này chưa được công bố trực tuyến.
- ✓ Theo kết quả tham vấn các chuyên gia, phần lớn dữ liệu phản ánh các DTTS trong ngành lâm nghiệp liên quan đến bốn chủ đề chính trong Khung GSDG có thể thu thập từ số liệu tổng hợp của các cơ quan cấp địa phương như Sở/Phòng Kế hoạch và Đầu tư (số liệu về doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã của người DTTS), Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cơ quan kiểm lâm cấp tỉnh, huyện (số liệu liên quan đến lâm nghiệp, rừng và tài nguyên rừng), Sở Lao động, Thương Binh và Xã hội, cơ quan bảo hiểm cấp tỉnh (số liệu về nhân sự, lao động).

### **Bộ chỉ số giám sát và đánh giá tác động của VPA/FLEGT đối với các cộng đồng DTTS**

Để xây dựng Bộ chỉ số giám sát và đánh giá tác động của VPA/FLEGT đối với các cộng đồng DTTS, Tư vấn căn cứ vào các yếu tố: (1) Mục tiêu của VPA/FLEGT (Khung phân tích của nghiên cứu), (2) Khung Giám sát Đánh giá Tác động (các chỉ số giám sát đánh giá tác động xã hội của VPA/FLEGT đến nhóm DTTS – Ma trận IMIM), (3) Các nguyên tắc xây dựng chỉ số và (4) Nguồn dữ liệu hiện tại. Nghiên cứu đề xuất sử dụng bộ chỉ số Giám sát và Đánh giá tác động VPA/FLEGT đến dân tộc thiểu số, bao gồm 35 chỉ tiêu cụ thể, được phát triển từ 4 chỉ số chính trong Ma trận IMIM, cụ thể:



Bộ chỉ số giám sát đánh giá tác động của Hiệp định VPA/FLEGT đến nhóm DTTS cụ thể như sau:

Chủ đề	Chỉ số đề xuất	Ý nghĩa	Cơ quan đầu mối
<b>1. Quyền và thực hiện quyền về sở hữu và sử dụng tài nguyên rừng</b>			
<b>1.1. Quyền sở hữu và quyền sử dụng tài nguyên rừng</b>			
<b>Chỉ số 1.1.1</b>	Tình trạng pháp lý về quyền sở hữu đất và rừng: - Hiện có các quy định về việc bảo vệ quyền sở hữu tài nguyên rừng của các nhóm DTTS theo quy định của pháp luật và Hiệp định VPA/FLEGT hay không? <i>*So sánh theo các mốc thời gian thực hiện theo dõi, đánh giá</i>	Đánh giá sự công nhận và bảo vệ quyền sở hữu tài nguyên rừng của các nhóm DTTS theo quy định của pháp luật và Hiệp định VPA/FLEGT	Bộ NN&PTNT

Chủ đề	Chỉ số đề xuất	Ý nghĩa	Cơ quan đầu mối
<b>Chỉ số 1.1.2</b>	<p>Tình trạng diện tích đất rừng, đất lâm nghiệp:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tỷ lệ hộ có chủ hộ là người DTTS có sử dụng hoặc quản lý đất lâm nghiệp trên tổng số hộ có sử dụng hoặc quản lý đất lâm nghiệp (%)</li> <li>- Tổng diện tích rừng, đất lâm nghiệp của hộ DTTS</li> <li>- Bình quân trên nhân khẩu diện tích lâm nghiệp do hộ có chủ hộ là người DTTS có sử dụng hoặc quản lý</li> </ul> <p><i>* Chia nhóm hộ có chủ hộ là nữ</i>  <i>* So sánh với trung bình cả nước (bao gồm cả dân tộc Kinh, dân tộc Hoa và các nhóm dân tộc khác)</i></p>	Đánh giá quyền sử dụng tài nguyên rừng trước và sau khi thực hiện Hiệp định VPA/FLEGT của nhóm DTTS	Tổng cục thống kê
<b>Chỉ số 1.1.3</b>	<p>Tình trạng đất rừng được cấp GCNQSD:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tỷ lệ hộ DTTS/cộng đồng DTTS có giấy CNQSD rừng và đất rừng trên tổng số hộ có giấy CNQSD rừng và đất rừng</li> <li>- Diện tích rừng, đất rừng đã được cấp GCNQSD cho hộ DTTS/ cộng đồng DTTS</li> </ul> <p>Tỉ lệ % của diện tích rừng, đất rừng đã được cấp GCNQSD so với tổng diện tích rừng của hộ có chủ hộ là DTTS</p> <p><i>* Chia theo nhóm có chủ hộ là nữ</i>  <i>* So sánh với trung bình cả nước (bao gồm cả dân tộc Kinh, dân tộc Hoa và các nhóm dân tộc khác)</i></p>	Đánh giá quyền sử dụng tài nguyên rừng trước và sau khi thực hiện Hiệp định VPA/FLEGT của nhóm DTTS	Chi cục kiểm lâm tỉnh
<b>Chỉ số 1.1.4</b>	<p>Tình trạng đất rừng được giao:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tỷ lệ % hộ DTTS/cộng đồng DTTS được giao rừng sản xuất trên tổng số hộ được giao rừng sản xuất;</li> <li>- Tổng diện tích rừng, đất rừng được giao của hộ DTTS/cộng đồng DTTS;</li> <li>- Tổng diện tích rừng, đất rừng được giao của hộ DTTS/cộng đồng DTTS có GCNQSD;</li> <li>- Tỷ lệ % đất rừng sản xuất được giao cho hộ DTTS/cộng đồng DTTS trên tổng diện tích đất rừng sản xuất của địa phương;</li> </ul>	Đánh giá quyền sử dụng tài nguyên rừng trước và sau khi thực hiện VPA/FLEGT của nhóm DTTS	Chi cục kiểm lâm tỉnh

Chủ đề	Chỉ số đề xuất	Ý nghĩa	Cơ quan đầu mối
	<p>* Chia nhóm hộ có chủ hộ là nữ</p> <p>* So sánh với trung bình cả nước (bao gồm cả dân tộc Kinh, dân tộc Hoa và các nhóm dân tộc khác)</p>		
<b>Chỉ số 1.1.5</b>	<p>Tình trạng đất rừng sản xuất:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số hộ DTTS trồng rừng sản xuất</li> <li>- Diện tích rừng trồng sản xuất của hộ DTTS/cộng đồng DTTS</li> <li>- Diện tích rừng trồng của hộ DTTS/cộng đồng DTTS có giấy CNQSD;</li> <li>- Tỷ lệ % đất rừng trồng sản xuất do hộ DTTS/cộng đồng DTTS trồng trên tổng diện tích đất rừng trồng sản xuất của địa phương?</li> </ul> <p>* Chia nhóm hộ có chủ hộ là nữ</p> <p>* So sánh với trung bình cả nước (bao gồm cả dân tộc Kinh, dân tộc Hoa và các nhóm dân tộc khác)</p>	Đánh giá quyền sử dụng tài nguyên rừng trước và sau khi thực hiện Hiệp định VPA/FLEGT của nhóm DTTS	Chi cục kiểm lâm tỉnh
<b>1.2. Quyền và sự tham gia trong quản lý tài nguyên rừng</b>			
<b>Chỉ số 1.2.1</b>	<p>Khoán bảo vệ rừng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số hộ DTTS/cộng đồng DTTS được khoán bảo vệ rừng</li> <li>- Tỷ lệ % hộ DTTS/cộng đồng DTTS có hợp đồng KBVR</li> </ul> <p>* Chia nhóm hộ có chủ hộ là nữ</p> <p>* So sánh với trung bình cả nước (bao gồm cả dân tộc Kinh, dân tộc Hoa và các nhóm dân tộc khác)</p>	Đánh giá tỷ lệ và mức độ tham gia của các nhóm DTTS trong các quyết định quản lý tài nguyên rừng và các cơ chế liên quan.	Chi cục kiểm lâm tỉnh
<b>Chỉ số 1.2.2</b>	<p>Tỷ lệ % người DTTS trong tổng số nhân sự các cơ quan kiểm lâm và ban quản lý rừng, doanh nghiệp lâm nghiệp (trên tổng nhân sự của cơ quan, tổ chức đó)</p> <p>* Chia nhóm hộ có chủ hộ là nữ</p> <p>* So sánh với trung bình cả nước</p>	Xem xét sự hiện diện và vai trò của các đại diện DTTS trong các cơ quan, ủy ban, và tổ chức quản lý rừng.	Sở LĐTĐ/Bảo hiểm tỉnh
<b>2. Cơ hội kinh tế và việc làm trong sản xuất lâm nghiệp và công nghiệp chế biến gỗ</b>			
<b>2.1. Cơ hội kinh tế</b>			

Chủ đề	Chỉ số đề xuất	Ý nghĩa	Cơ quan đầu mối
<b>Chỉ số 2.1.1</b>	Tỷ lệ số hộ miền núi, người DTTS sống ở vùng có rừng tham gia sản xuất lâm nghiệp hàng hóa * Chia nhóm hộ có chủ hộ là nữ * So sánh với trung bình cả nước, trung bình hộ không phải DTTS	Đánh giá tỷ lệ hộ DTTS có tham gia sản xuất lâm nghiệp (tầm quan trọng của hoạt động lâm nghiệp)	Sở NN&PTNT
<b>Chỉ số 2.1.2</b>	Tỷ lệ hộ có chủ hộ là người DTTS có thu từ trồng/ quản lý/ bảo vệ/ chăm sóc rừng, ươm các loại giống cây lâm nghiệp, thu nhật sản phẩm từ rừng, thu hoạch cây lâm nghiệp (tre, gỗ, củi, ... kể cả trong vườn nhà); hoạt động dịch vụ lâm nghiệp? * Chia nhóm hộ có chủ hộ là nữ * So sánh với trung bình cả nước, trung bình hộ không phải DTTS	Đánh giá tỷ lệ hộ DTTS có thu nhập từ lâm nghiệp (tầm quan trọng của hoạt động lâm nghiệp)	Tổng cục thống kê
<b>Chỉ số 2.1.3</b>	- Thu nhập bình quân đầu người của hộ có chủ hộ là người DTTS có nguồn thu từ lâm nghiệp (trồng/ quản lý/ bảo vệ/ chăm sóc rừng, ươm các loại giống cây lâm nghiệp, thu nhật sản phẩm từ rừng, thu hoạch cây lâm nghiệp (tre, gỗ, củi, ... kể cả trong vườn nhà); hoạt động dịch vụ lâm nghiệp) - Mức tăng thu nhập bình quân của người DTTS làm lâm nghiệp * Chia nhóm hộ có chủ hộ là nữ * So sánh với trung bình cả nước, trung bình hộ không phải DTTS	Theo dõi sự thay đổi trong thu nhập của các cá nhân và hộ gia đình từ các hoạt động kinh tế liên quan đến lâm nghiệp và chế biến gỗ.	Tổng cục thống kê
<b>Chỉ số 2.1.4</b>	Tỷ lệ thu nhập từ lâm nghiệp so với tổng thu nhập trong năm của hộ có chủ hộ là người DTTS * Chia nhóm hộ có chủ hộ là nữ * So sánh với trung bình cả nước, trung bình hộ không phải DTTS	Đánh giá đóng góp/tầm quan trọng của thu nhập từ lâm nghiệp trong tổng thu nhập của hộ gia đình	Tổng cục thống kê
<b>Chỉ số 2.1.5</b>	Tỷ lệ % hộ DTTS được vay vốn ưu đãi từ Ngân hàng chính sách xã hội nhằm mục đích sản xuất kinh doanh hoạt động lâm nghiệp? * Chia nhóm hộ có chủ hộ là nữ * So sánh với trung bình cả nước, trung bình hộ không phải DTTS	Đánh giá mức độ tiếp cận của các nhóm DTTS đến các nguồn vốn và tín dụng ưu đãi để đầu tư vào các hoạt động sản xuất lâm	Ngân hàng Chính sách xã hội

Chủ đề	Chỉ số đề xuất	Ý nghĩa	Cơ quan đầu mối
		nghiệp và chế biến gỗ.	
<b>Chỉ số 2.1.6</b>	Tỷ lệ % số hộ có chủ hộ là DTTS cung cấp gỗ cho các DN tham gia vào chuỗi cung ứng gỗ (trong nước và xuất khẩu) (trên tổng số hộ DTTS trên địa phương) <i>* Chia nhóm hộ có chủ hộ là nữ</i> <i>* So sánh với trung bình cả nước, trung bình hộ không phải DTTS</i>	Xem xét mức độ tham gia của các nhóm DTTS vào các chuỗi cung ứng và thị trường chế biến gỗ	Chi cục kiểm lâm tỉnh
<b>Chỉ số 2.1.7</b>	Quản lý rừng bền vững: - Tổng diện tích rừng được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững của hộ DTTS/cộng đồng DTTS - Tỷ lệ % so với tổng diện tích rừng trồng	Theo dõi sự thay đổi về gỗ rừng trồng của hộ DTTS/cộng đồng DTTS trước và sau Hiệp định VPA/FLEGT	Chi cục kiểm lâm tỉnh
<b>Chỉ số 2.1.8</b>	Rừng trồng gỗ lớn: - Diện tích rừng trồng theo hướng gỗ lớn của hộ DTTS/cộng đồng DTTS - Tỷ lệ % so với tổng diện tích rừng trồng	Theo dõi sự thay đổi về gỗ rừng trồng của hộ DTTS/cộng đồng DTTS trước và sau Hiệp định VPA/FLEGT	Chi cục kiểm lâm tỉnh
<b>2.2. Việc làm và điều kiện lao động</b>			
<b>Chỉ số 2.2.1</b>	Thu nhập từ lâm nghiệp: - Tỷ lệ hộ có chủ hộ là người DTTS có hoạt động ngành nghề lâm nghiệp hoặc chế biến sản phẩm lâm nghiệp (%) - Phần trăm thu nhập mà hộ DTTS nhận được từ hoạt động này trong tổng thu nhập của hộ (tỷ lệ trung bình trên địa bàn)? - Thu nhập trung bình 1 năm mà hộ DTTS nhận được từ hoạt động này? <i>* Chia nhóm chủ hộ là nữ</i> <i>* So sánh mức bình quân cả nước, và mức bình quân hộ không phải DTTS</i>	Đánh giá thu nhập của các nhóm DTTS từ hoạt động ngành lâm nghiệp hoặc chế biến sản phẩm lâm nghiệp.	Tổng cục thống kê
<b>Chỉ số 2.2.2</b>	Tỷ lệ hộ DTTS có thành viên trong hộ có làm công việc trong ngành lâm nghiệp?	Đánh giá về việc làm từ công việc/việc làm trong sản xuất lâm nghiệp	Tổng cục thống kê

Chủ đề	Chỉ số đề xuất	Ý nghĩa	Cơ quan đầu mối
		của các nhóm DTTS	
<b>Chỉ số 2.2.3</b>	<p>Việc làm trong ngành lâm nghiệp:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tỷ lệ hộ gia đình có chủ hộ là người DTTS làm việc trong ngành lâm nghiệp có ký hợp đồng lao động trên tổng số hộ có chủ hộ làm việc trong ngành lâm nghiệp có ký hợp đồng lao động</li> <li>- Tiền lương, tiền công trung bình (kể cả trị giá hiện vật) từ công việc/việc làm trong sản xuất lâm nghiệp của nhóm DTTS</li> </ul> <p><i>* Chia nhóm chủ hộ là nữ</i>  <i>* So sánh mức bình quân cả nước, và mức bình quân hộ không phải DTTS</i></p>	Đánh giá về việc làm và tiền lương, tiền công từ công việc/việc làm trong sản xuất lâm nghiệp của các nhóm DTTS	Tổng cục thống kê
<b>Chỉ số 2.2.4</b>	<p>Tỷ lệ lao động là DTTS làm việc trong lâm nghiệp được đào tạo trên tổng lao động DTTS làm việc trong lâm nghiệp</p> <p><i>* Chia nhóm nữ</i></p>	Đánh giá số lượng và chất lượng các chương trình đào tạo nghề liên quan đến lâm nghiệp và chế biến gỗ dành cho các nhóm DTTS	Sở NN&PTNT
<b>Chỉ số 2.2.5</b>	<p>Số lượng, tỷ lệ % lao động của hộ DTTS làm việc trong ngành công nghiệp gỗ được đóng các loại bảo hiểm theo luật định (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm tai nạn)</p> <p><i>* Chia nhóm hộ có chủ hộ là nữ</i>  <i>* So sánh với trung bình cả nước, trung bình hộ không phải DTTS</i></p>	Đánh giá tỷ lệ và số lượng người lao động từ các nhóm DTTS làm việc trong ngành công nghiệp chế biến gỗ (lao động chính thức, được đóng bảo hiểm)	Sở LĐTBXH/Bảo hiểm tỉnh
<b>Chỉ số 2.2.6</b>	Tốc độ tăng số lượng doanh nghiệp/hộ kinh doanh/HTX trong ngành lâm nghiệp và chế biến gỗ tại địa phương	Theo dõi khả năng duy trì và phát triển việc làm trong ngành lâm nghiệp và chế biến gỗ trong dài hạn.	Sở KHĐT/Phòng Kinh tế và Hạ tầng

### 3. Sự tham gia, tính đại diện và vai trò lãnh đạo trong các tổ chức lâm nghiệp, phúc lợi xã hội và nguồn nhân lực

Chủ đề	Chỉ số đề xuất	Ý nghĩa	Cơ quan đầu mối
<b>3.1. Sự tham gia</b>			
<b>Chỉ số 3.1.1</b>	Tỉ lệ % doanh nghiệp/hộ kinh doanh/HTX có chủ sở hữu/giám đốc là người DTTS hoạt động trong ngành lâm nghiệp chế biến gỗ so với tổng số doanh nghiệp, hộ kinh doanh trong ngành này. <i>*Chia nhóm DN do nữ DTTS làm chủ</i>	Đánh giá tỷ lệ/cơ cấu tham gia của các nhóm DTTS trong ngành lâm nghiệp	Sở KHĐT/Phòng Kinh tế và Hạ tầng
<b>Chỉ số 3.1.2</b>	Số lượng doanh nghiệp, hộ kinh doanh có chủ sở hữu là người DTTS tham gia trong chuỗi cung ứng gỗ xuất khẩu; tỉ lệ % so với tổng số doanh nghiệp, hộ kinh doanh trong chuỗi cung ứng gỗ này	Đánh giá tỷ lệ/cơ cấu tham gia của các nhóm DTTS trong ngành lâm nghiệp	Sở KHĐT/Phòng Kinh tế và Hạ tầng
<b>Chỉ số 3.1.3</b>	Phản hồi từ cộng đồng: Hiện địa phương có cơ chế thu thập và xử lý/phản hồi ý kiến của cộng đồng DTTS hay không? <i>*Theo mốc thời gian thực hiện theo dõi &amp; đánh giá</i>	Thu thập và đánh giá phản hồi của các nhóm DTTS về ảnh hưởng của Hiệp định VPA/FLEGT đối với quyền và thực hiện quyền của họ.	UBND tỉnh, huyện
<b>3.2. Tính đại diện</b>			
<b>Chỉ số 3.2.1 (sử dụng Chỉ số 1.2.2)</b>	Tỷ lệ % người DTTS trong tổng số nhân sự của các cơ quan kiểm lâm và ban quản lý rừng, doanh nghiệp lâm nghiệp	Xem xét tỷ lệ và mức độ đại diện của các nhóm DTTS trong các cơ quan ra quyết định liên quan đến quản lý tài nguyên rừng và tổ chức lâm nghiệp	Sở LĐT BXH/Bảo hiểm tỉnh
<b>3.3. Vai trò lãnh đạo</b>			
<b>Chỉ số 3.3.1</b>	Số lượng/ Tỉ lệ người % DTTS tham gia, nắm chức vụ lãnh đạo trong các cơ quan kiểm lâm và ban quản lý rừng, doanh nghiệp lâm nghiệp <i>* Chia nhóm nữ</i>	Đánh giá số lượng và tỷ lệ lãnh đạo từ các nhóm DTTS trong các cơ quan ra quyết định liên quan đến quản lý tài nguyên rừng và tổ chức lâm nghiệp	Sở LĐT BXH/Bảo hiểm tỉnh

Chủ đề	Chỉ số đề xuất	Ý nghĩa	Cơ quan đầu mối
<b>4. Kiến thức về VPA/FLEGT và VNTLAS và hiểu biết vai trò của VPA/FLEGT và VNTLAS đối với sinh kế và cộng đồng của họ</b>			
<b>4.1. Kiến thức/thông tin về VPA/FLEGT và VNTLAS</b>			
<b>Chỉ số 4.1.1</b>	Số lần thực hiện chương trình/lớp/hội thảo/hội nghị phổ biến Hiệp định VPA/FLEGT; Nghị định về hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam (VNTLAS); Thông tư về quản lý và truy xuất nguồn gốc lâm sản, và các văn bản liên quan khác Tỷ lệ % người DTTS tiếp cận với các chương trình phổ biến này <i>* Chia nhóm hộ có chủ hộ là nữ</i> <i>* So sánh với trung bình cả nước, trung bình hộ không phải DTTS</i>	Đánh giá mức độ truyền thông/phổ biến kiến thức về Hiệp định VPA/FLEGT; Nghị định về hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam (VNTLAS); Thông tư về quản lý và truy xuất nguồn gốc lâm sản, và các văn bản liên quan khác	Dự án GIZ
<b>Chỉ số 4.1.2</b>	Kiến thức về VPA/FLEGT - Tỷ lệ % hộ DTTS biết về hiệp định VPA/FLEGT, Nghị định về hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam; Thông tư về quản lý và truy xuất nguồn gốc lâm sản, và các văn bản liên quan khác <i>* Chia nhóm hộ có chủ hộ là nữ</i> <i>* So sánh với trung bình cả nước, trung bình hộ không phải DTTS</i>	Đánh giá mức độ hiểu biết của các nhóm DTTS về các nguyên tắc, mục tiêu, và lợi ích của Hiệp định VPA/FLEGT.	Khảo sát đánh giá
<b>Chỉ số 4.1.3</b>	Kiến thức về VNTLAS - Tỷ lệ % hộ DTTS biết về VNTLAS <i>* Chia nhóm hộ có chủ hộ là nữ</i> <i>* So sánh với trung bình cả nước, trung bình hộ không phải DTTS</i>	Đánh giá mức độ hiểu biết về VNTLAS, bao gồm quy trình, yêu cầu và chức năng.	Khảo sát đánh giá
<b>Chỉ số 4.1.4</b>	Sự tiếp cận thông tin - Tỷ lệ % hộ dân có được thông tin về VPA/FLEGT, VNTLAS, và các văn bản pháp luật liên quan qua các cách khác nhau <i>* Chia nhóm hộ có chủ hộ là nữ</i> <i>* So sánh với trung bình cả nước, trung bình hộ không phải DTTS</i>	Xem xét cách mà các nhóm DTTS tiếp cận thông tin về Hiệp định VPA/FLEGT và VNTLAS (qua các tài liệu, hội thảo, đào tạo, v.v.).	Khảo sát đánh giá

Chủ đề	Chỉ số đề xuất	Ý nghĩa	Cơ quan đầu mối
<b>Chỉ số 4.1.5</b>	<p>Chất lượng thông tin nhận được</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tỷ lệ % hộ DTTS biết đầy đủ về yêu cầu gỗ hợp pháp đối với hộ trồng rừng</li> <li>* Chia nhóm hộ có chủ hộ là nữ</li> <li>* So sánh với trung bình cả nước, trung bình hộ không phải DTTS</li> </ul>	Đánh giá chất lượng và độ chính xác của thông tin mà các nhóm DTTS nhận được về Hiệp định VPA/FLEGT và VNTLAS.	Khảo sát đánh giá
<b>4.2. Áp dụng trong thực tế</b>			
<b>Chỉ số 4.2.1</b>	<p>Ứng dụng các quy định</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tỷ lệ % hộ DTTS thực hiện các tiêu chí/yêu cầu về gỗ hợp pháp khi bán gỗ</li> <li>- Tỷ lệ % số chỉ tiêu/yêu cầu về gỗ hợp pháp mà hộ DTTS đã thực hiện khi bán gỗ</li> <li>- Tỷ lệ % hộ trồng rừng DTTS tự làm, nhờ người khác làm thủ tục giấy tờ pháp lý khi bán gỗ</li> <li>* Chia nhóm hộ có chủ hộ là nữ</li> <li>* So sánh với trung bình cả nước, trung bình hộ không phải DTTS</li> </ul>	Đánh giá khả năng của các nhóm DTTS trong việc áp dụng các quy định của Hiệp định VPA/FLEGT và VNTLAS vào thực tiễn quản lý và khai thác tài nguyên rừng.	Khảo sát đánh giá
<b>Chỉ số 4.2.2</b>	<p>Thực hành đúng quy trình</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tỷ lệ % DN/hộ KDCT có chủ là người DTTS có vi phạm quy định pháp luật về lâm nghiệp trong năm (trên tổng DN/hộ KDCT có vi phạm quy định pháp luật về lâm nghiệp)</li> </ul>	Theo dõi việc thực hành đúng quy trình và yêu cầu của Hiệp định VPA/FLEGT và VNTLAS trong các hoạt động lâm nghiệp của cộng đồng.	Cục Kiểm lâm
<b>Chỉ số 4.2.3</b>	<p>Hỗ trợ và tư vấn</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tỷ lệ % hộ DTTS nhận được đầy đủ, thông tin hướng dẫn từ cơ quan nhà nước</li> <li>* Chia nhóm hộ có chủ hộ là nữ</li> <li>* So sánh với trung bình cả nước, trung bình hộ không phải DTTS</li> </ul>	Xem xét mức độ hỗ trợ và tư vấn mà các nhóm DTTS nhận được để giải quyết các vấn đề liên quan đến quy định.	Khảo sát đánh giá
<b>4.3. Nhận thức và đánh giá</b>			

Chủ đề	Chỉ số đề xuất	Ý nghĩa	Cơ quan đầu mối
<b>Chỉ số 4.3.1</b>	Nhận thức về vai trò và lợi ích của Hiệp định VPA/FLEGT Tỷ lệ % hộ DTTS đánh giá về tác động của Hiệp định VPA/FLEGT và VNTLAS, bao gồm: - Tỷ lệ % hộ DTTS có tăng thu nhập và cho rằng thu nhập tăng do tác động của Hiệp định VPA/FLEGT và VNTLAS - Tỷ lệ % hộ DTTS tăng cơ hội kinh tế/hợp tác và cho rằng có sự tác động của Hiệp định VPA/FLEGT và VNTLAS	Đánh giá mức độ hiểu biết về vai trò của Hiệp định VPA/FLEGT trong việc thúc đẩy quản lý bền vững và chống khai thác gỗ bất hợp pháp.	Khảo sát đánh giá
<b>Chỉ số 4.3.2</b>	Đánh giá các chương trình đào tạo - Tỷ lệ % hộ DTTS phản hồi tốt/hiệu quả đối với các lớp/khóa/hội thảo chia sẻ thông tin, kiến thức về Hiệp định VPA/FLEGT và VNTLAS	Xem xét sự hiệu quả của các chương trình đào tạo và các hoạt động nâng cao nhận thức về Hiệp định VPA/FLEGT và VNTLAS đối với nhóm DTTS	Khảo sát đánh giá

### Những phát hiện, vấn đề và xu hướng chính

**Phát triển rừng bền vững:** Các cộng đồng DTTS có thể gặp khó khăn trong việc chuyển đổi từ các phương thức khai thác tài nguyên rừng truyền thống sang các phương thức khai thác bền vững hơn, phù hợp với yêu cầu của VPA/FLEGT. Điều này đòi hỏi họ phải có kiến thức, kỹ năng và tài chính để áp dụng các phương thức khai thác mới, như việc áp dụng chứng nhận bền vững ví dụ như FSC (Forest Stewardship Council) hoặc các hệ thống chứng nhận khác (hiện nay tỷ lệ rừng có các chứng nhận bền vững của bà con DTTS không rõ ràng/không có số liệu thống kê). Nhà nước và các tổ chức quốc tế có thể tăng cường hỗ trợ kỹ thuật và tài chính để giúp cộng đồng DTTS chuyển đổi sang các phương thức khai thác bền vững, đồng thời bảo vệ sinh kế của họ.

**Quyền lợi của phụ nữ và nhóm dễ bị tổn thương trong cộng đồng DTTS:** Trong nhiều cộng đồng DTTS, phụ nữ và các nhóm dễ bị tổn thương (như người cao tuổi, trẻ em, người khuyết tật) thường ít có quyền tiếp cận và kiểm soát tài nguyên rừng (tỷ lệ nữ chủ hộ/tỷ lệ đại diện ký hợp đồng giao rừng, khoán bảo vệ rừng là nữ). Điều này có thể khiến họ gặp khó khăn trong việc duy trì sinh kế và quyền lợi trong bối cảnh thay đổi do VPA/FLEGT. Các chính sách và chương trình hỗ trợ cộng đồng hiện nay đều có lưu ý về cơ chế bảo vệ và thúc đẩy quyền lợi của nhóm yếu thế trong cộng đồng, đảm bảo rằng họ không bị bỏ lại phía sau trong quá trình thực hiện VPA/FLEGT, tuy nhiên việc thực hiện này chưa mạnh mẽ và rõ ràng.

**Tác động của VPA/FLEGT đối với cộng đồng DTTS có thể có cả mặt tích cực và mặt tiêu cực** tùy thuộc vào cách thức thực hiện và những đặc thù của cộng đồng DTTS ở mỗi địa phương. Bên cạnh những tác động tích cực như khuyến khích việc quản lý rừng hợp pháp và bền vững, minh bạch hóa việc sử dụng đất đai và tài nguyên rừng, phát triển nghề rừng bền vững, thúc đẩy chuỗi giá trị gỗ hợp pháp và cải thiện quản lý và bảo vệ rừng, VPA/FLEGT có thể có một số tác động tiêu cực, ví dụ như: người dân, hộ kinh doanh DTTS gặp khó khăn về thủ tục pháp lý hay chi phí và rào cản về kỹ thuật, một số nhóm DTTS cần phải thay đổi sinh kế do thay đổi phương thức khai thác gỗ. Để giảm thiểu các tác động tiêu cực có thể có và tối đa hóa lợi ích từ VPA/FLEGT, có thể thực hiện một số giải pháp như: đảm bảo sự tham gia của cộng đồng DTTS trong quá trình xây dựng và thực hiện các chính sách liên quan đến quản lý rừng và chứng nhận gỗ hợp pháp; tăng cường đào tạo và hỗ trợ kỹ thuật cho cộng đồng DTTS để họ có thể tuân thủ các quy định của VPA/FLEGT mà không làm mất đi phương thức sống truyền thống của mình; tạo ra các mô hình sinh kế sáng tạo và phù hợp cho cộng đồng DTTS, chuyển đổi sang hoạt động kinh tế hợp pháp và bền vững hơn.

### **Đề xuất và khuyến nghị**

**Đề xuất về giám sát tác động và hệ thống thu thập dữ liệu giám sát và đánh giá tác động của VPA/FLEGT đến nhóm DTTS:**

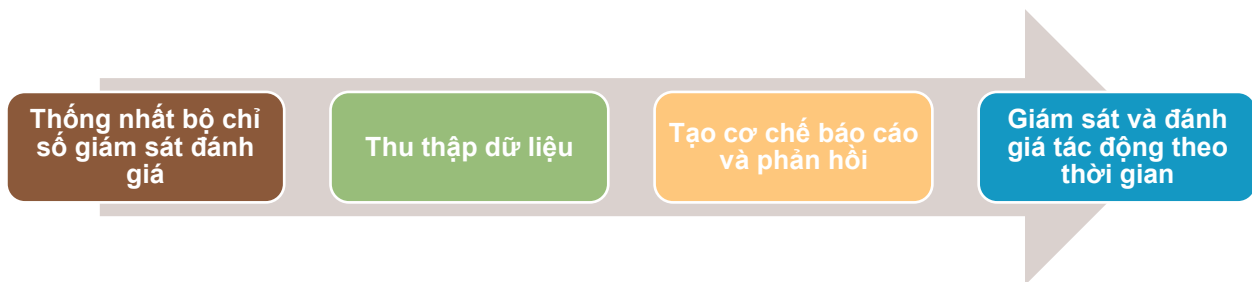
#### **Giám sát tác động của VPA/FLEGT**

Giám sát quá trình thực hiện VPA/FLEGT là một yếu tố quan trọng để đảm bảo rằng các mục tiêu của Hiệp định được thực hiện đúng đắn và không gây ảnh hưởng tiêu cực đến các cộng đồng DTTS. Việc giám sát tác động của VPA/FLEGT có thể thực hiện qua các bước như sau:



### **Hệ thống thu thập dữ liệu giám sát và đánh giá tác động**

Để đảm bảo VPA/FLEGT thực hiện hiệu quả và không gây tác động tiêu cực đến cộng đồng DTTS, cần xây dựng hệ thống thu thập dữ liệu giám sát và đánh giá tác động cụ thể. Việc thực hiện giám sát đánh giá VPA/FLEGT có thể thực hiện với 4 bước như sau:



Để quá trình thực hiện VPA/FLEGT đạt được hiệu quả cao và giảm thiểu tác động tiêu cực cho cộng đồng DTTS, việc xây dựng một hệ thống thu thập dữ liệu giám sát đánh giá tác động là rất quan trọng. Hệ thống dữ liệu giám sát cần phải minh bạch, dễ tiếp cận

và có sự tham gia của cộng đồng. Đồng thời, việc giám sát chặt chẽ và thực hiện đánh giá tác động cần được thực hiện định kỳ và thống nhất từ trung ương đến địa phương.

**Một số gợi ý về ưu tiên cho nghiên cứu sâu hơn:**

**Nghiên cứu về tác động của VPA/FLEGT đối với sinh kế và phương thức sống của cộng đồng DTTS** (nghiên cứu xem xét liệu việc chuyển đổi sang các phương thức khai thác hợp pháp có tạo ra các cơ hội sinh kế bền vững cho nhóm DTTS hay không).

**Nghiên cứu về các chính sách hỗ trợ sinh kế thay thế** (đánh giá hiệu quả và tác động của các chính sách hỗ trợ sinh kế thay thế cho cộng đồng DTTS và nghiên cứu xem cộng đồng có thể dễ dàng và thuận lợi trong việc áp dụng các phương thức sinh kế bền vững hay không).

**Một số đề xuất hoạt động của các dự án và đối tác VPA/FLEGT:**

**Tăng cường sự tham gia của cộng đồng DTTS** (xây dựng các cơ chế tham gia của cộng đồng DTTS trong quá trình thực hiện VPA/FLEGT như tổ chức các cuộc họp tham vấn, lắng nghe ý kiến của cộng đồng và đảm bảo rằng các chính sách quản lý rừng bền vững phù hợp với thực tế của cộng đồng).

**Đào tạo và nâng cao năng lực cho cộng đồng DTTS** (thông tin kiến thức về các yêu cầu và quy trình liên quan đến chứng nhận gỗ hợp pháp và quản lý rừng bền vững).

**Đẩy mạnh thông tin truyền thông và vận động thay đổi hành vi, bao gồm:**

- ✓ **Thông tin và truyền thông về các quy định cũng như tác động của VPA/FLEGT** (quy định và yêu cầu của VPA/FLEGT và các quy định pháp lý liên quan, từ việc quyền sở hữu và sử dụng tài nguyên rừng, quản lý rừng bền vững đến các tiêu chuẩn về gỗ hợp pháp; các lợi ích mà cộng đồng DTTS có thể nhận được khi thực hiện VPA/FLEGT, quyền lợi và nghĩa vụ của các cộng đồng DTTS trong quá trình thực hiện VPA/FLEGT).
- ✓ **Xây dựng các kênh thông tin đa chiều** (tạo kênh đối thoại mở giữa các bên liên quan để trao đổi thông tin về quá trình thực hiện VPA/FLEGT, đồng thời giải quyết các vấn đề và thách thức mà cộng đồng và các tổ chức đối diện. Tăng cường sự

tham gia của các tổ chức xã hội, tổ chức cộng đồng, các tổ chức phi chính phủ và các già làng trưởng bản trong việc theo dõi và giám sát tác động của VPA/FLEGT đến nhóm DTTS).

- ✓ **Vận động thay đổi hành vi trong cộng đồng và các đối tượng liên quan** (Khuyến khích/vận động cộng đồng DTTS và các doanh nghiệp của người DTTS tham gia khai thác, chế biến, buôn bán gỗ tuân thủ các tiêu chuẩn hợp pháp và bền vững được yêu cầu trong VPA/FLEGT và các quy định pháp lý liên quan; Thúc đẩy sự hợp tác giữa các cơ quan nhà nước, tổ chức phi chính phủ và các cộng đồng DTTS trong việc thực thi các quy định của VPA/FLEGT; Tạo ra một môi trường khuyến khích cộng đồng tham gia giám sát quá trình thực thi VPA/FLEGT và phản hồi về các vấn đề phát sinh).

## **Dự án “Hỗ trợ thực hiện Hiệp định đối tác tự nguyện VPA/FLEGT tại Việt Nam”**

Phòng 032, tầng 3, tòa nhà Coco,

Số 14 Thụy Khuê, Hà Nội

<https://snrd-asia.org/vpa-flegt/>

